TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK MIL** **TỈNH ĐẮK NÔNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày 20/6/2019
Về việc: "Không công nhận là vợ chồng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mận

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Tịnh và ông Bùi Khắc Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 101/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về Xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2019/QĐXX-ST ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị H - N, sinh năm 1980, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Điểu M, sinh năm 1980, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cùng trú tại: Bon S, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 06/5/2019, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị H - N- Ngam trình bày:

Về hôn nhân: Chị H - N và anh Điểu M chung sống với nhau vào năm 2001, không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, chị H - N cho rằng, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên hay cải nhau, ở chung một nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Vì mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, hôn nhân không đạt được nên chị H - N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H - N được ly hôn với anh Điểu M.

Về con chung: Anh Điểu M và chị H - N có 03 con chung là H - M, sinh năm 2000; Y- K, sinh ngày 28/4/2002 và Y – M, sinh ngày 31/3/2012. Hiện nay cháu H - M đang đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu Y – K đang sống chung với anh Điểu M nên chị H - N đồng ý giao cho anh

Điểu M là người trực tiếp nuôi, còn cháu Y - M đang sống chung với chị H - N nên chị H - N có nguyện vọng nuôi và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo nội dung lời khai của anh Điểu M trong quá trình giải quyết vụ án:

Về hôn nhân, con chung và mâu thuẫn vợ chồng: Anh Điểu M đồng ý với lời trình bày của chị H - N. Nay chị H - N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Điểu M đồng ý.

Về con chung: Anh Điểu M có nguyện vọng nuôi cháu Y – K và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Y - M anh Điểu M đồng ý giao cho chị H - N nuôi.

Về tài sản chung: Không yêu cầu.

Ngày 03/6/2019, anh Điểu M và chị H - N có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Căn cứ quy định tại Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ 2014, đề nghị HĐXX:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H - N. Không công nhận quan hệ giữa chị H - N và anh Điểu M là vợ chồng.
- Về con chung: Giao cháu Y – K cho anh Điểu M; giao cháu Y – M cho chị H - N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.
- Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.
- Về án phí: Chị H - N phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về tố tụng:

[2.1] Đây là vụ án xin ly hôn, bị đơn là anh Điểu M có địa chỉ tại Bon S, xã T, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Ngày 03/6/2019 anh Điểu M và chị H - N có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh Điểu M và chị H - N là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị H - N:

[3.1] Về hôn nhân: Vào năm 2001, chị H - N và anh Điểu M trên cơ sở tự nguyện đã chung sống với nhau như vợ chồng đến nay. Tuy không đăng ký kết hôn, nhưng được sự chứng kiến của hai bên họ hàng. Lẽ ra, khi đã là vợ chồng thì anh chị phải yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững. Nhưng trái lại, khi bước vào cuộc sống chung thì cả hai cùng bộc lộ những tính cách khác nhau, lối sống trái ngược nhau, vợ chồng không thông cảm với nhau, không nhường nhịn nhau mà thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên chị H - N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H - N được ly hôn với anh Điểu M.

Trong quá trình tố tụng, anh Điểu M thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không thể hàn gắn được nên anh Điểu M đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, hôn nhân giữa anh Điểu M và chị H - N không có đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo quy định tại Điều 14, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quan hệ giữa chị H - N và anh Điểu M không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nên cần chấp nhận yêu cầu của chị H - N, không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H - N và anh Điểu M là quan hệ vợ chồng.

[3.2] Về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Hiện nay cháu Y – K, sinh ngày 28/4/2002 đang sống chung với anh Điểu M; cháu Y – M, sinh ngày 31/3/2012 đang sống chung với chị H - N. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Điểu M có nguyện vọng nuôi cháu Y – K, chị H - N có nguyện vọng nuôi cháu Y – Ma Ji Hun cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì thì Tòa án quyết định giao con cho một bên căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*. Hiện nay, cháu Y – K và cháu Y – M đã trên 07 tuổi. Trong quá trình tố tụng, cháu Y – K có nguyện vọng được ở với bố là anh Điểu M, cháu Y – M có nguyện vọng ở với mẹ là chị H - N.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc thỏa thuận của các đương sự về việc giao người trực tiếp nuôi con chung là đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các cháu nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Y – K cho

anh Điểu M; giao cháu Y – M cho chị H - N là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành là phù hợp.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét để giải quyết.

[4] Về án phí: Chị H - N phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 16; khoản 2 Điều 53; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị H - N. Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị H - N và anh Điểu M là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao cháu Y – Ky La, sinh ngày 28/4/2002 cho anh Điểu M; giao cháu Y – M, sinh ngày 31/3/2012 cho chị H - N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành. Người không trực tiếp nuôi con được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, người trực tiếp nuôi con không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

Vì lợi ích của con chung theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng, chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng hoặc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định các Điều 84; Điều 110; Điều 117; Điều 118 và Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 144; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị H - N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00003512 ngày 07/5/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Mận